CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 362 /QĐ-CTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho thôi quốc tịch Việt Nam

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 và Điều 91 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Theo đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 39/TTr-CP ngày 11/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho thôi quốc tịch Việt Nam đối với 64 công dân hiện đang cư trú tại Hàn Quốc (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các công dân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp;
- Bộ Ngoại giao;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- VPCTN: Trợ lý CTN, Website VPCTN;
- Lưu: VT, Vụ PL.

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc

DANH SÁCH CÔNG DÂN VIỆT NAM HIỆN CƯ TRÚ TẠI HÀN QUỐC ĐƯỢC CHO THÔI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 362 /QĐ-CTN ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch nước)

1. **Nguyễn Thị Thu Tuyết**, sinh ngày 27/01/2002 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 20 ngày 11/3/2020
Hiện trú tại: 1101ho, 104dong, 130 Bamjeon-ro, Dangjin-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C3277022 cấp ngày 28/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Đường Hương, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

2. **Nguyễn Thảo Nhi**, sinh ngày 23/9/2011 tại Đồng Nai — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, GKS số 72 ngày 04/4/2013
Hiện trú tại: 43, Haeyang-gwangwang-ro, Jindong-myeon, Masanhappo-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2184417 cấp ngày 06/02/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp 03 TT Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

3. **Huỳnh Thúy Duy**, sinh ngày 16/9/1983 tại Cà Mau — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, GKS số 1527 ngày 09/12/2006
Hiện trú tại: # 604 dong 1503 ho, 269-8, Singwan-dong, Gongju-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N1605629 cấp ngày 10/4/2012 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

4. **Đàm Quang Phát**, sinh ngày 11/9/2016 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 381 ngày 22/02/2021
Hiện trú tại: 804-6 Wolgye-dong, Gwangsan-gu, Gwangju.
Hộ chiếu số: N2311385 cấp ngày 08/3/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

5. **Trần Gia Linh**, sinh ngày 02/11/2018 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2520 ngày 12/10/2020
Hiện trú tại: 38-1 Beolmeo-gil, Damyang-eup, Damyang-gun, Jeollanam-do

Hộ chiếu số: N2280125 cấp ngày 20/10/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

6. **Tae Hye Ni**, sinh ngày 05/12/2016 tại Bình Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, GKS số 24 ngày 01/8/2017
Hiện trú tại: 380-dong 2002-ho, 148, Crystal-ro, Seo-gu, Incheon Metropolitan
Hộ chiếu số: C9240853 cấp ngày 05/8/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 15.08 Tháp W3, C/c Sunrise City, phường Tân Hưng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

7. **Nguyễn Hà Linh**, sinh ngày 15/5/2006 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tây Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, GKS số 09 ngày 25/12/2006
Hiện trú tại: 70, Bijeon 2 ro, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C8040701 cấp ngày 14/8/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Tây Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

8. **Ngô Hà Trang**, sinh ngày 29/12/2007 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, GKS số 11 ngày 11/01/2008
Hiện trú tại: 302, 6A-dong 47 Balanseo-ro, Hangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5171796 cấp ngày 14/5/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: UBND xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

9. **Nguyễn Doãn Trung**, sinh ngày 20/7/1999 tại Nghệ An — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, GKS số 118 ngày 12/5/2017
Hiện trú tại: 402dong 206ho, 194, Changnyong-daero, Paldal-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C2226703 cấp ngày 31/8/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An

10. **Cao Nhật Bắc**, sinh ngày 20/01/2010 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 36 ngày 29/4/2010
Hiện trú tại: 8-9 Seoninsaedongne gil, Sacheon-eup, Sacheon-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C4743524 cấp ngày 15/3/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đầm Hà, huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh

11. **Ngô Hà Vy**, sinh ngày 09/10/2014 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, GKS số 239 ngày 24/10/2014
Hiện trú tại: 302, 6A-dong 47 Balanseo-ro, Hangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C7286319 cấp ngày 02/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: UBND xã Kim Tân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

12. **Kim Trâm Anh**, sinh ngày 22/10/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1053 ngày 28/4/2021
Hiện trú tại: 2F, 17, Su0dong 6 gil, Buk-gu, Ulsan Metropolitan City
Hộ chiếu số: N2372800 cấp ngày 06/5/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

13. **Nguyễn Hữu Bảo Thái**, sinh ngày 13/7/2011 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 93 ngày 29/7/2011
Hiện trú tại: 201 ho, 12-18, Galhyeon-ro 11-gil, Eunpyoeng-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C4030977 cấp ngày 20/10/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

14. **Nguyễn Thị Thanh Bình**, sinh ngày 16/01/2002 tại Thanh Hóa — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hoằng Đạt, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, GKS số 02 ngày 03/01/2022
Hiện trú tại: # 26-22 Bujangdae-ro, Buyeo-eup, Buyeo-gun, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N1915135 cấp ngày 02/02/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Điềm Tây, xã Minh Phượng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên

15. **Đàm Gia Linh**, sinh ngày 12/01/2018 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 380 ngày 22/02/2021
Hiện trú tại: 804-6 Wolgye-dong, Gwangsan-gu, Gwangju
Hộ chiếu số: N2311386 cấp ngày 08/3/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

16. **Ngô Quốc Việt**, sinh ngày 25/02/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1517 ngày 16/6/2021
Hiện trú tại: 289, Seohae-ro, Gunsan-si, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: N2393157 cấp ngày 21/3/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

17. **Lê Thị Minh Thơ**, sinh ngày 02/9/2003 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 321 ngày 24/9/2003
Hiện trú tại: 278beonji, Jukgyo-ri, Gwansan-eup, Jangheung-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C7240192 cấp ngày 24/4/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

18. **Đỗ Đức Đạt**, sinh ngày 14/9/2001 tại Hải Phòng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 09 ngày 13/6/2008
Hiện trú tại: 503ho, 7-dong, GwangyeongGaya Apt Gwangyang-si, Jeonnam
Hộ chiếu số: C3271986 cấp ngày 17/5/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

19. **Bùi Tâm Phúc**, sinh ngày 14/6/2008 tại Lâm Đồng — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Lộc Nga, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, GKS số 19 ngày 24/6/2008
Hiện trú tại: 203ho, 901dong, 328, Seouldaehak-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C3433324 cấp ngày 05/6/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Lộc Nga, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

20. **Vũ Bảo An**, sinh ngày 17/8/2016 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 33 ngày 01/02/2018
Hiện trú tại: N.102, 8-1 Yeouidaebang-ro22cha-gil, Dongjak-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C6896505 cấp ngày 08/3/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu 1, Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

21. **Nguyễn Phạm Ngọc Anh**, sinh ngày 07/11/2016 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, GKS số 184 ngày 28/11/2016
Hiện trú tại: 8-5, Gyeongsu-daero 225beon-gil, Gwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C6924847 cấp ngày 14/3/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

22. **Đinh Thị Quỳnh Anh**, sinh ngày 28/10/2002 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Quảng Chính, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 135 ngày 21/11/2005
Hiện trú tại: 19 Naneum-ro 7beon-gil, Idong-myeon Namhae-gun, Gyeongsangnam-do

2

Hộ chiếu số: C3369878 cấp ngày 18/5/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Minh Tân, xã Quảng Chính, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh

23. **Nguyễn Văn Lâm**, sinh ngày 06/11/2002 tại Hải Dương — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, GKS số 76 ngày 18/12/2002
Hiện trú tại: (Jangwi-dong), 9-14, Jangwi-ro16gil, Seongbuk-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C3232837 cấp ngày 26/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn Lương Xá, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

24. **Nguyễn Trần Minh Tuệ**, sinh ngày 19/9/2012 tại Nghệ An — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, GKS số 124 ngày 27/9/2012
Hiện trú tại: 4-1 Bonogongwon2-gil, Sangnok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C2351606 cấp ngày 11/10/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

25. **Lê Bảo An**, sinh ngày 10/7/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2412 ngày 22/9/2020
Hiện trú tại: San 76beonji, Sageun-dong, Seongdong-gu, Seoul
Hộ chiếu số: N2251989 cấp ngày 26/9/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

26. **Trịnh Văn Phong**, sinh ngày 04/10/1991 tại Hải Dương — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thạch Khôi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, GKS số 134 ngày 30/6/2009
Hiện trú tại: Dapsipri-ro 60gil 85ho, Dongdaemun-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C2187904 cấp ngày 22/8/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương, Hải Dương

27. **Mai Anh Vũ**, sinh ngày 21/9/2012 tại Thanh Hóa — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, GKS số 122 ngày 30/10/2012
Hiện trú tại: 65 Nakpyeongjanggi-ro, Bongdong-eup, Wanju-gun, Jeollabuk-do
Hộ chiếu số: N2430672 cấp ngày 21/8/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đại Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa

28. **Phạm Hoàng Hào**, sinh ngày 03/12/2007 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND thị xã Quảng Yên, Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 145 ngày 07/7/2008

Hiện trú tại: 21-9 Goryongsan-ro 432beon-gil, Yeongin-myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C7495146 cấp ngày 31/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: khu phố Cửa Châu, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

29. **Cho You Mi**, sinh ngày 20/4/2017 tại Đà Nẵng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, GKS số 77 ngày 19/5/2017
Hiện trú tại: 2306 dong 1520 ho Changnyong-daero, 201-13beon-gil, Paldal-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C9518872 cấp ngày 26/01/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

30. **Nguyễn Minh Khang**, sinh ngày 16/3/2017 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 394 ngày 10/4/2017
Hiện trú tại: 4-1 Bonogongwon2-gil, Sangnok-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1824267 cấp ngày 17/4/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

31. **Nguyễn Nhật Hào**, sinh ngày 12/12/2007 tại Bạc Liêu — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu, GKS số 203 ngày 31/12/2007
Hiện trú tại: 901ho, 17, baedeuli-gil, seo-myeon, suncheon-si
Hộ chiếu số: C6211077 cấp ngày 09/11/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp Ba Mến, xã An Trạch A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

32. **Lê Thiên Kim**, sinh ngày 02/10/2019 tại Cần Thơ — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, GKS số 464 ngày 22/10/2019
Hiện trú tại: 354, Seryu-dong, Gwonseon-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C8957900 cấp ngày 20/02/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp 4, xã Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

33. **Trần Thị Trang**, sinh ngày 20/3/2005 tại Cần Thơ — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ, GKS số 232 ngày 26/9/2010
Hiện trú tại: 50, Dobongro 117 gil, Dobong-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C5404394 cấp ngày 14/6/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Đông Thuận, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ

34. **Ngô Ki Su**, sinh ngày 03/02/2021 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1740

ngày 15/7/2021
Hiện trú tại: 82-1 Yucheon-ro 17beon-gil, Jung-gu, Daejeon
Hộ chiếu số: N2428853 cấp ngày 20/7/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

35. **Bùi Ngọc Phương Chi**, sinh ngày 06/6/2019 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1376 ngày 15/7/2019
Hiện trú tại: 37, Munseong-ro 38 Ga-gil, Gwanak-gu, Seoul
Hộ chiếu số: N2103407 cấp ngày 22/7/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

36. **Đinh Thị Thùy Linh**, sinh ngày 23/12/2000 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 31 ngày 29/01/2000
Hiện trú tại: 214Beonji, Geoseong-si, Unsan-myeon, Seosan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: C1578003 cấp ngày 08/4/2016 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

37. **Lê Vũ Thành Công**, sinh ngày 05/12/2018 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 397 ngày 15/02/2020
Hiện trú tại: 201, 110-dong 12Biaro62beongil Gwangsan-gu, Gwangju-si
Hộ chiếu số: N2184537 cấp ngày 17/02/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

38. **Trần Văn Doanh**, sinh ngày 25/7/1989 tại Hải Dương — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, GKS số 302 ngày 06/11/2009
Hiện trú tại: 27Hambaksan-gil, Naju-si, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: C9098563 cấp ngày 24/3/2020 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

39. **Park Chan**, sinh ngày 28/11/2018 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 2213 ngày 21/12/2018
Hiện trú tại: 288 Deokpyeong-ri, Bujeok-myeon, Nonsan-si, Chungcheongnam-do
Hộ chiếu số: N2058106 cấp ngày 24/12/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

40. **Hoàng Hoài Thương**, sinh ngày 25/02/2002 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Minh Thành, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 36 ngày 20/3/2002

Hiện trú tại: 1137, Gangsan-ri, Ungchi-myeon, Boseong-gun, Jeollanam-do.
Hộ chiếu số: N2172419 cấp ngày 07/12/2019 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Minh Thành, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh

41. **Đồng Thị Thùy Trang**, sinh ngày 21/8/2008 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng, GKS số 151 ngày 18/9/2008
Hiện trú tại: (2 cheung) Hwanghak dong 977, Junggu, Seoul
Hộ chiếu số: C5673147 cấp ngày 17/7/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: số 1, B54, Khu D3, phường Cát Bi, quận Hải An, TP. Hải Phòng

42. **Nguyễn Thị Quỳnh Nga**, sinh ngày 23/02/1998 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, GKS số 28 ngày 14/3/1998
Hiện trú tại: 149-11 (Sinchuk 2 cheung) Gyomo-ro 324beongil, Jinrye myeon, Kimhae-si, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: B9845336 cấp ngày 16/3/2015 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Đội 1 thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

43. **Cao Tường Vi**, sinh ngày 29/7/2003 tại Kiên Giang — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Thạnh Yên, huyện U Minh, tỉnh Kiên Giang, GKS số 451 ngày 05/9/2007
Hiện trú tại: 4 dong 201 ho, 3-9, Yaksuteo-gil, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do.
Hộ chiếu số: C3530042 cấp ngày 21/6/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Thạnh Yên, huyện U Minh, tỉnh Kiên Giang

44. **Kang An Nhiên**, sinh ngày 17/10/2019 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, GKS số 16 ngày 23/3/2020
Hiện trú tại: 4101-304, 90 Gwanggyomaeul-ro, Suji-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do.
Hộ chiếu số: C6027466 cấp ngày 06/11/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

45. **Nguyễn Thị Thùy Linh**, sinh ngày 2707/1995 tại Thanh Hóa — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TT Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, GKS số 28 ngày 22/12/2000
Hiện trú tại: 8-33, Bomun-ro13na-gil, Seongbuk-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: C3962332 cấp ngày 20/9/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh

9

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: TT Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

46. **Đặng Khánh My**, sinh ngày 14/8/2005 tại Quảng Ngãi — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tịnh Thiện, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, GKS số 243 năm 2005
Hiện trú tại: Room 201, 2nd floor, Eungbong-dong 265-76, Seongdong-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C7429940 cấp ngày 25/5/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 95 rạch bùng binh, phường 9, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

47. **Trương Tuệ Nghi**, sinh ngày 22/12/2016 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 98 ngày 09/02/2017
Hiện trú tại: 117 Dong 1004 ho, 266beon-gil 6, Jeongwang-daero, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1823660 cấp ngày 20/02/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

48. **Kim Ngọc An Nhiên**, sinh ngày 13/7/2019 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, GKS số 08 ngày 04/12/2019
Hiện trú tại: 102ho, 9, Gamcheon-ro142beon-gil, Saha-gu, Busan-si
Hộ chiếu số: C9435180 cấp ngày 28/01/2021 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp Đào Viên, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

49. **Phạm Thiên An**, sinh ngày 10/6/2018 tại Đà Nẵng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 322 ngày 18/7/2018
Hiện trú tại: 121dong 306ho, Jukbaek – dong 799 Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C5736635 cấp ngày 31/7/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

50. **Nguyễn Tấn Lộc**, sinh ngày 27/3/2017 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 506 ngày 26/4/2017
Hiện trú tại: 17-1 Jeongwangcheon-ro 359beon-gil, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N1842635 cấp ngày 17/5/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

51. **Huỳnh Hữu Lộc**, sinh ngày 27/9/2003 tại Bạc Liêu — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phong Thạnh A, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc

Liêu, GKS số 532 ngày 14/12/2004
Hiện trú tại: 17, Sindaero 17-gil, Jeju-si, Jeju-do
Hộ chiếu số: C6096723 cấp ngày 20/9/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp 2 xã Phong Thạnh A, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

52. **Nguyễn Thúy Kiều**, sinh ngày 16/3/1993 tại Cần Thơ — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND phường Giai Xuân, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ, GKS số 55 ngày 13/4/1993
Hiện trú tại: 403ho, Richibil 16-7, Daeseok 3gil, Suncheon-si, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: B5970639 cấp ngày 09/01/2012 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: 9/35 đường Nguyễn Văn Linh, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

53. **Nguyễn Thị Nga**, sinh ngày 03/4/2004 tại Hải Dương — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, GKS số 201 ngày 28/12/2007
Hiện trú tại: 103-dong 1205-ho, 23, Munhwa-ro, Jangseong-eup, Jangseong-gun, Jeollanam-do
Hộ chiếu số: N2310726 cấp ngày 27/02/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: khu 1 phường Thạch Khôi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

54. **Nguyễn Thị Vân Anh**, sinh ngày 23/6/2000 tại Hải Phòng — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Tân Tiến, huyện An Hải, TP. Hải Phòng, GKS số 47 ngày 10/7/2000
Hiện trú tại: 113-27, Yongdeok 1-gil, Yongdeok-myeon, Uiryeong-gun, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: C2979492 cấp ngày 03/4/2017 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Bình Dân, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

55. **Trần Thị Tường Vy**, sinh ngày 31/01/2021 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 993 ngày 23/4/2021
Hiện trú tại: #796, Yangji-ri, Sinwon-myeon, Geochang-gun, Gyeongsangnam-do
Hộ chiếu số: N2372269 cấp ngày 28/4/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

56. **Dương Trùng Dương**, sinh ngày 05/12/1993 tại TP. Hồ Chí Minh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Trung Lập, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, GKS số 104 ngày 08/9/1999
Hiện trú tại: 3-3, Doksan-ro 64 ragil, Geumcheon-gu, Seoul
Hộ chiếu số: C4305858 cấp ngày 21/3/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Trung Lập, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

57. **Nguyễn Thị Duyên**, sinh ngày 05/10/1988 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 04 ngày 29/3/2016
Hiện trú tại: Bomun4gil, Bomun3ga, Seongbuk-gu, Seoul-si
Hộ chiếu số: N2281734 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cấp ngày 14/10/2020
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: phường Cẩm Bình, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

58. **Phạm Thanh Giàu**, sinh ngày 03/11/2004 tại Đồng Nai — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, GKS số 13 ngày 23/01/2006
Hiện trú tại: (Jincheon jugong Apart), 102dong 407ho, Jungangseo-ro 89, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do
Hộ chiếu số: N2234625 cấp ngày 27/8/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Ấp 1 xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

59. **Trần Ngọc Thiên Di**, sinh ngày 08/02/2020 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1746 ngày 16/7/2021
Hiện trú tại: 22 Gyesansae-ro 19beon-gil, Gyeyang-gu, Incheon
Hộ chiếu số: N2429034 cấp ngày 26/7/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

60. **Nguyễn Thị Huyền Trang**, sinh ngày 16/10/1989 tại Cần Thơ — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: UBND quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ, GKS số 779 ngày 31/8/2009
Hiện trú tại: 101 Ho, Seonggyeong billa gadong, Samjeong dong 294-18, Bucheon-si, Gyeonggi do
Hộ chiếu số: N2028814 cấp ngày 28/8/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu vực Tân Phước 1, Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, TP. Cần thơ

61. **Bùi Nghĩa Đức**, sinh ngày 08/7/2011 tại Quảng Ninh — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Cộng Hòa, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh, GKS số 138 ngày 05/8/2011
Hiện trú tại: 106, Ja ngan-dong, Paldal-gu, Suwon-si, Gyeonggi
Hộ chiếu số: C7671542 cấp ngày 28/6/2019 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã Cộng Hòa, huyện Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

62. **Kim Hoàng Minh**, sinh ngày 25/3/2021 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1503 ngày 14/6/2021
Hiện trú tại: 621, Nongam-ri, Hwaseong-myeon, Cheongyang-gun, Chungchoengnam-do
Hộ chiếu số: N2392975 cấp ngày 18/6/2021 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

63. **Hoàng Ngọc Đức Anh**, Sinh ngày 13/6/2012 tại Nam Định — Giới tính: Nam
Nơi đăng ký khai sinh: UBND xã Mỹ Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định, GKS số 186 ngày 20/6/2012
Hiện trú tại: 112 dong 101ho, Jungwang-dong 1785-1, Siheung-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: C6388192 cấp ngày 04/12/2018 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: UBND xã Mỹ Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định

64. **Nguyễn Khả Hân**, sinh ngày 29/9/2018 tại Hàn Quốc — Giới tính: Nữ
Nơi đăng ký khai sinh: Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, GKS số 1800 ngày 26/10/2018
Hiện trú tại: 26-7, Bucheon-ro275beon-gil, Bucheon-si, Gyeonggi-do
Hộ chiếu số: N2042882 cấp ngày 06/11/2018 Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc